

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025 (KHÓA TS NĂM 2024)
TỪ NGÀY 16/06/2025 ĐẾN NGÀY 06/07/2025

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên lớp học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
1	Môn chung	3140030	31400302C1P 1	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA101	
2	Môn chung	3140030	31400302C1P 2	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA102	
3	Môn chung	3140030	31400302C1P 3	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB101	
4	Môn chung	3140030	31400302C1P 4	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB102	
5	Môn chung	3140030	31400302C1P 5	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB103	
6	Môn chung	3140030	31400302C1P 6	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB201	
7	Môn chung	3140030	31400302C1P 7	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD202	
8	Môn chung	3140030	31400302C1P 8	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD301	
9	Môn chung	3140030	31400302C1P 9	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD302	
10	Môn chung	3140030	31400302C1P 10	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD401	
11	Môn chung	3140030	31400302C1P 11	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD402	
12	Môn chung	3140030	31400302C1P 12	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA301	
13	Môn chung	3140030	31400302C1P 13	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA302	
14	Môn chung	3140030	31400302C1P 14	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB303	
15	Môn chung	3140030	31400302C1P 15	Tiếng Việt	26	16/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB302	
16	Môn chung	3140030	31400302C2P 1	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB101	
17	Môn chung	3140030	31400302C2P 2	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB102	
18	Môn chung	3140030	31400302C2P 3	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB103	
19	Môn chung	3140030	31400302C2P 4	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB201	
20	Môn chung	3140030	31400302C2P 5	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA101	
21	Môn chung	3140030	31400302C2P 6	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA102	
22	Môn chung	3140030	31400302C2P 7	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA301	
23	Môn chung	3140030	31400302C2P 8	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA302	
24	Môn chung	3140030	31400302C2P 9	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB303	
25	Môn chung	3140030	31400302C2P 10	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB302	
26	Môn chung	3140030	31400302C2P 11	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD202	
27	Môn chung	3140030	31400302C2P 12	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD301	
28	Môn chung	3140030	31400302C2P 13	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD302	
29	Môn chung	3140030	31400302C2P 14	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD401	
30	Môn chung	3140030	31400302C2P 15	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD402	
31	Môn chung	3140030	31400302C2P 16	Tiếng Việt	29	16/06/2025	2C2	9 giờ 30	HC504	
32	Môn chung	3140030	31400302C2P 17	Tiếng Việt	10	16/06/2025	2C2	9 giờ 30	HC504	ghép phòng
33	Môn chung	2130010	21300102C1P 1	Pháp luật đại cương	29	17/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA102	
34	Môn chung	2130010	21300102C1P 2	Pháp luật đại cương	29	17/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB101	
35	Môn chung	2130010	21300102C1P 3	Pháp luật đại cương	29	17/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB102	
36	Môn chung	2130010	21300102C1P 4	Pháp luật đại cương	29	17/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB103	
37	Môn chung	2130010	21300102C1P 5	Pháp luật đại cương	29	17/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB201	
38	Môn chung	2130010	21300102C1P 6	Pháp luật đại cương	29	17/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB302	
39	Môn chung	2130010	21300102C1P 7	Pháp luật đại cương	29	17/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB303	
40	Môn chung	2130010	21300102C1P 8	Pháp luật đại cương	29	17/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA301	
41	Môn chung	2130010	21300102C1P 9	Pháp luật đại cương	29	17/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA302	
42	Môn chung	2130010	21300102C1P 10	Pháp luật đại cương	29	17/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD301	
43	Môn chung	2130010	21300102C1P 11	Pháp luật đại cương	29	17/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD302	
44	Môn chung	2130010	21300102C1P 12	Pháp luật đại cương	29	17/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD401	
45	Môn chung	2130010	21300102C1P 13	Pháp luật đại cương	29	17/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD402	

— T D N —

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên lớp học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
97	Môn chung	2090180	20901802C1P 17	Triết học Mác - Lênin	29	19/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB501	
98	Môn chung	2090180	20901802C1P 18	Triết học Mác - Lênin	4	19/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB502	
99	Môn chung	2090180	20901802C2P 1	Triết học Mác - Lênin	29	19/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB101	
100	Môn chung	2090180	20901802C2P 2	Triết học Mác - Lênin	29	19/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB102	
101	Môn chung	2090180	20901802C2P 3	Triết học Mác - Lênin	29	19/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB103	
102	Môn chung	2090180	20901802C2P 4	Triết học Mác - Lênin	29	19/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB201	
103	Môn chung	2090180	20901802C2P 5	Triết học Mác - Lênin	29	19/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB302	
104	Môn chung	2090180	20901802C2P 6	Triết học Mác - Lênin	29	19/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB303	
105	Môn chung	2090180	20901802C2P 7	Triết học Mác - Lênin	29	19/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA102	
106	Môn chung	2090180	20901802C2P 8	Triết học Mác - Lênin	29	19/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA301	
107	Môn chung	2090180	20901802C2P 9	Triết học Mác - Lênin	29	19/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA302	
108	Môn chung	2090180	20901802C2P 10	Triết học Mác - Lênin	29	19/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD301	
109	Môn chung	2090180	20901802C2P 11	Triết học Mác - Lênin	29	19/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD302	
110	Môn chung	2090180	20901802C2P 12	Triết học Mác - Lênin	29	19/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD401	
111	Môn chung	2090180	20901802C2P 13	Triết học Mác - Lênin	29	19/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD402	
112	Môn chung	2090180	20901802C2P 14	Triết học Mác - Lênin	29	19/06/2025	2C2	9 giờ 30	HC501	
113	Môn chung	2090180	20901802C2P 15	Triết học Mác - Lênin	7	19/06/2025	2C2	9 giờ 30	HC501	ghép phòng
114	Môn chung	2090190	20901902C2P 1	Triết học Mác - Lênin CLC	6	19/06/2025	2C2	9 giờ 30	HC501	ghép phòng 2 CHCT
115	Môn chung	3040010	30400102C1P 1	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA401	
116	Môn chung	3040010	30400102C1P 2	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA402	
117	Môn chung	3040010	30400102C1P 3	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA403	
118	Môn chung	3040010	30400102C1P 4	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB401	
119	Môn chung	3040010	30400102C1P 5	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB402	
120	Môn chung	3040010	30400102C1P 6	Tin học cơ sở	28	20/06/2025	2C1	7 giờ 30	HC401	
121	Môn chung	3040010	30400102C2P 1	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA401	
122	Môn chung	3040010	30400102C2P 2	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA402	
123	Môn chung	3040010	30400102C2P 3	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA403	
124	Môn chung	3040010	30400102C2P 4	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB401	
125	Môn chung	3040010	30400102C2P 5	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB402	
126	Môn chung	3040010	30400102C2P 6	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C2	9 giờ 30	HC401	
127	Môn chung	3040010	30400102C2P 7	Tin học cơ sở	7	20/06/2025	2C2	9 giờ 30	HC401	ghép phòng HC401
128	Môn chung	3040010	30400102C3P 1	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA401	
129	Môn chung	3040010	30400102C3P 2	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA402	
130	Môn chung	3040010	30400102C3P 3	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA403	
131	Môn chung	3040010	30400102C3P 4	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB401	
132	Môn chung	3040010	30400102C3P 5	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB402	
133	Môn chung	3040010	30400102C3P 6	Tin học cơ sở	28	20/06/2025	2C3	13 giờ 30	HC401	
134	Môn chung	3040010	30400102C4P 1	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C4	15 giờ 30	HA401	
135	Môn chung	3040010	30400102C4P 2	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C4	15 giờ 30	HA402	
136	Môn chung	3040010	30400102C4P 3	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C4	15 giờ 30	HA403	
137	Môn chung	3040010	30400102C4P 4	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB401	
138	Môn chung	3040010	30400102C4P 5	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB402	
139	Môn chung	3040010	30400102C4P 6	Tin học cơ sở	26	20/06/2025	2C4	15 giờ 30	HC401	
140	Môn chung	3040010	30400102C4P 7	Tin học cơ sở	6	20/06/2025	2C4	15 giờ 30	HC401	ghép phòng
141	ANH	4113683	41136832C1P 1	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA102	
142	ANH	4113683	41136832C1P 2	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA301	
143	ANH	4113683	41136832C1P 3	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA302	
144	ANH	4113683	41136832C1P 4	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB101	
145	ANH	4113683	41136832C1P 5	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB102	
146	ANH	4113683	41136832C1P 6	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB103	
147	ANH	4113683	41136832C1P 7	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB201	

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên lớp học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
148	ANH	4113683	41136832C1P 8	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB302	
149	ANH	4113683	41136832C1P 9	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB303	
150	ANH	4113683	41136832C1P 10	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB501	
151	ANH	4113683	41136832C1P 11	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB502	
152	ANH	4113683	41136832C1P 12	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB503	
153	ANH	4113683	41136832C1P 13	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD301	
154	ANH	4113683	41136832C1P 14	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD302	
155	ANH	4113683	41136832C1P 15	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD401	
156	ANH	4113683	41136832C1P 16	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD402	
157	ANH	4113683	41136832C1P 17	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA501	
158	ANH	4113683	41136832C1P 18	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA502	
159	ANH	4113683	41136832C1P 19	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA503	
160	ANH	4113683	41136832C1P 20	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	29	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HC502	
161	ANH	4113683	41136832C1P 21	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2	27	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HC504	
162	ANH	4113763	41137632C1P 1	Ngữ pháp tiếng Anh căn bản 2 Lớp BS Hệ CLC	11	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HC504	ghép phòng 2CHCT
163	ANH	4111851	41118512C2P 1	Kỹ năng tiếng B1.3	29	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA102	
164	ANH	4111851	41118512C2P 2	Kỹ năng tiếng B1.3	29	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA301	
165	ANH	4111851	41118512C2P 3	Kỹ năng tiếng B1.3	29	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA302	
166	ANH	4111851	41118512C2P 4	Kỹ năng tiếng B1.3	29	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA501	
167	ANH	4111851	41118512C2P 5	Kỹ năng tiếng B1.3	29	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA502	
168	ANH	4111851	41118512C2P 6	Kỹ năng tiếng B1.3	29	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA503	
169	ANH	4111851	41118512C2P 7	Kỹ năng tiếng B1.3	29	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB101	
170	ANH	4111851	41118512C2P 8	Kỹ năng tiếng B1.3	29	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB102	
171	ANH	4111851	41118512C2P 9	Kỹ năng tiếng B1.3	29	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB103	
172	ANH	4111851	41118512C2P 10	Kỹ năng tiếng B1.3	29	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB201	
173	ANH	4111851	41118512C2P 11	Kỹ năng tiếng B1.3	29	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB302	
174	ANH	4111851	41118512C2P 12	Kỹ năng tiếng B1.3	29	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB303	
175	ANH	4111851	41118512C2P 13	Kỹ năng tiếng B1.3	29	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB501	
176	ANH	4111851	41118512C2P 14	Kỹ năng tiếng B1.3	29	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB502	
177	ANH	4111851	41118512C2P 15	Kỹ năng tiếng B1.3	29	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB503	
178	ANH	4111851	41118512C2P 16	Kỹ năng tiếng B1.3	29	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD301	
179	ANH	4111851	41118512C2P 17	Kỹ năng tiếng B1.3	29	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD302	
180	ANH	4111851	41118512C2P 18	Kỹ năng tiếng B1.3	29	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD401	
181	ANH	4111851	41118512C2P 19	Kỹ năng tiếng B1.3	29	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD402	
182	ANH	4111851	41118512C2P 20	Kỹ năng tiếng B1.3	22	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HC502	
183	ANH	4112772	41127722C1P 1	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA102	
184	ANH	4112772	41127722C1P 2	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA301	
185	ANH	4112772	41127722C1P 3	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA302	
186	ANH	4112772	41127722C1P 4	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB101	
187	ANH	4112772	41127722C1P 5	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB102	
188	ANH	4112772	41127722C1P 6	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB103	
189	ANH	4112772	41127722C1P 7	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB201	
190	ANH	4112772	41127722C1P 8	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB302	
191	ANH	4112772	41127722C1P 9	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB303	
192	ANH	4112772	41127722C1P 10	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB501	
193	ANH	4112772	41127722C1P 11	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB502	
194	ANH	4112772	41127722C1P 12	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB503	
195	ANH	4112772	41127722C1P 13	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD301	
196	ANH	4112772	41127722C1P 14	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD302	
197	ANH	4112772	41127722C1P 15	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD401	
198	ANH	4112772	41127722C1P 16	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD402	

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên lớp học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
199	ANH	4112772	41127722C1P 17	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA501	
200	ANH	4112772	41127722C1P 18	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA502	
201	ANH	4112772	41127722C1P 19	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA503	
202	ANH	4112772	41127722C1P 20	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HC502	
203	ANH	4112772	41127722C1P 21	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	29	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HC501	
204	ANH	4112772	41127722C1P 22	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	7	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	HC501	ghép phòng
205	ANH	4111861	41118612C2P 1	Kỹ năng tiếng B1.4	29	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA102	
206	ANH	4111861	41118612C2P 2	Kỹ năng tiếng B1.4	29	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA301	
207	ANH	4111861	41118612C2P 3	Kỹ năng tiếng B1.4	29	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA302	
208	ANH	4111861	41118612C2P 4	Kỹ năng tiếng B1.4	29	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA501	
209	ANH	4111861	41118612C2P 5	Kỹ năng tiếng B1.4	29	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA502	
210	ANH	4111861	41118612C2P 6	Kỹ năng tiếng B1.4	29	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA503	
211	ANH	4111861	41118612C2P 7	Kỹ năng tiếng B1.4	29	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB101	
212	ANH	4111861	41118612C2P 8	Kỹ năng tiếng B1.4	29	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB102	
213	ANH	4111861	41118612C2P 9	Kỹ năng tiếng B1.4	29	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB103	
214	ANH	4111861	41118612C2P 10	Kỹ năng tiếng B1.4	29	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB201	
215	ANH	4111861	41118612C2P 11	Kỹ năng tiếng B1.4	29	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB302	
216	ANH	4111861	41118612C2P 12	Kỹ năng tiếng B1.4	29	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB303	
217	ANH	4111861	41118612C2P 13	Kỹ năng tiếng B1.4	29	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB501	
218	ANH	4111861	41118612C2P 14	Kỹ năng tiếng B1.4	29	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB502	
219	ANH	4111861	41118612C2P 15	Kỹ năng tiếng B1.4	29	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB503	
220	ANH	4111861	41118612C2P 16	Kỹ năng tiếng B1.4	29	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD301	
221	ANH	4111861	41118612C2P 17	Kỹ năng tiếng B1.4	29	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD302	
222	ANH	4111861	41118612C2P 18	Kỹ năng tiếng B1.4	29	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD401	
223	ANH	4111861	41118612C2P 19	Kỹ năng tiếng B1.4	29	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HC501	
224	ANH	4111861	41118612C2P 20	Kỹ năng tiếng B1.4	7	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HC501	ghép phòng
225	ANH	4112373	41123732C2P 1	Kỹ năng tiếng B1.4 Ghép (411186124202407) CLC	2	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD401	ghép phòng
226	ANH	4115190	41151902C2P 1	Kỹ năng tiếng B1.4 -TT	26	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HC502	
227	ANH	4115190	41151902C2P 2	Kỹ năng tiếng B1.4 -TT	26	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HC503	
228	ANH	4115190	41151902C2P 3	Kỹ năng tiếng B1.4 -TT	26	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD402	
229	ANH	4115240	41152402C1P 1	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao -TT	27	28/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB103	
230	ANH	4115240	41152402C1P 2	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao -TT	27	28/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB101	
231	ANH	4115240	41152402C1P 3	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao -TT	28	28/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB102	
232	ANH	4115230	41152302C2P 1	Lý thuyết truyền thông -TT	27	28/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB101	
233	ANH	4115230	41152302C2P 2	Lý thuyết truyền thông -TT	27	28/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB102	
234	ANH	4115230	41152302C2P 3	Lý thuyết truyền thông -TT	26	28/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB103	
235	ANH CN	4122442	41224422C1P 1	Cú pháp học-DL	24	23/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB101	
236	ANH CN	4122442	41224422C1P 2	Cú pháp học-DL	24	23/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB102	
237	ANH CN	4122442	41224422C1P 3	Cú pháp học-DL	24	23/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB103	
238	ANH CN	4122442	41224422C1P 4	Cú pháp học-DL	24	23/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA101	
239	ANH CN	4122442	41224422C1P 5	Cú pháp học-DL	26	23/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA102	
240	ANH CN	4122442	41224422C1P 1	Cú pháp học-TM	28	23/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA301	
241	ANH CN	4122442	41224422C1P 2	Cú pháp học-TM	28	23/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA302	
242	ANH CN	4122442	41224422C1P 3	Cú pháp học-TM	28	23/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB201	
243	ANH CN	4122442	41224422C1P 4	Cú pháp học-TM	28	23/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD202	
244	ANH CN	4122442	41224422C1P 5	Cú pháp học-TM	28	23/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD301	
245	ANH CN	4122442	41224422C1P 6	Cú pháp học-TM	25	23/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD302	
246	ANH CN	4122442	41224422C1P 1	Cú pháp học-TMĐT	41	23/06/2025	2C1	7 giờ 30	HC504	
247	ANH CN	4122292	41222922C2P 1	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học-DL	25	23/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA101	
248	ANH CN	4122292	41222922C2P 2	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học-DL	25	23/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA102	
249	ANH CN	4122292	41222922C2P 3	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học-DL	25	23/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA301	

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên lớp học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
250	ANH CN	4122292	41222922C2P 4	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học-DL	25	23/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA302	
251	ANH CN	4122292	41222922C2P 5	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học-DL	27	23/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB101	
252	ANH CN	4122292	41222922C2P 1	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học-TM	28	23/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB102	
253	ANH CN	4122292	41222922C2P 2	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học-TM	28	23/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB103	
254	ANH CN	4122292	41222922C2P 3	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học-TM	28	23/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB201	
255	ANH CN	4122292	41222922C2P 4	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học-TM	28	23/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD202	
256	ANH CN	4122292	41222922C2P 5	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học-TM	28	23/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD301	
257	ANH CN	4122292	41222922C2P 6	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học-TM	28	23/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD302	
258	ANH CN	4122292	41222922C2P 1	Dẫn nhập Ngữ âm - Âm vị học-TMĐT	41	23/06/2025	2C2	9 giờ 30	HC504	
259	ANH CN	4121702	41217022C1P 1	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Anh)	28	25/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA501	
260	ANH CN	4121702	41217022C1P 2	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Anh)	28	25/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA502	
261	ANH CN	4121702	41217022C1P 3	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Anh)	28	25/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA503	
262	ANH CN	4121702	41217022C1P 4	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Anh)	28	25/06/2025	2C1	7 giờ 30	HC502	
263	ANH CN	4121702	41217022C1P 5	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Anh)	28	25/06/2025	2C1	7 giờ 30	HC503	
264	ANH CN	4121702	41217022C1P 6	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Anh)	28	25/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB501	
265	ANH CN	4121702	41217022C1P 7	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Anh)	28	25/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB502	
266	ANH CN	4121702	41217022C1P 8	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Anh)	28	25/06/2025	2C1	7 giờ 30	HB503	
267	ANH CN	4121702	41217022C1P 9	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Anh)	28	25/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD401	
268	ANH CN	4121702	41217022C1P 10	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Anh)	28	25/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD402	
269	ANH CN	4121702	41217022C1P 11	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Anh)	28	25/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD501	
270	ANH CN	4121702	41217022C1P 12	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Anh)	28	25/06/2025	2C1	7 giờ 30	HC501	
271	ANH CN	4121702	41217022C1P 13	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Anh)	33	25/06/2025	2C1	7 giờ 30	HC504	
272	ANH CN	4122883	41228832C2P 1	Kỹ năng tiếng B1.3 - TM	27	25/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB502	
273	ANH CN	4122883	41228832C2P 2	Kỹ năng tiếng B1.3 - TM	27	25/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB503	
274	ANH CN	4122883	41228832C2P 3	Kỹ năng tiếng B1.3 - TM	27	25/06/2025	2C2	9 giờ 30	HC502	
275	ANH CN	4122883	41228832C2P 4	Kỹ năng tiếng B1.3 - TM	27	25/06/2025	2C2	9 giờ 30	HC503	
276	ANH CN	4122883	41228832C2P 5	Kỹ năng tiếng B1.3 - TM	27	25/06/2025	2C2	9 giờ 30	HC501	
277	ANH CN	4122883	41228832C2P 6	Kỹ năng tiếng B1.3 - TM	29	25/06/2025	2C2	9 giờ 30	HC504	
278	ANH CN	4122883	41228832C2P 1	Kỹ năng tiếng B1.3 - TMĐT	41	25/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD501	
279	ANH CN	4123013	41230132C2P 1	Kỹ năng tiếng B1.3 - DL	30	25/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA501	
280	ANH CN	4123013	41230132C2P 2	Kỹ năng tiếng B1.3 - DL	30	25/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA502	
281	ANH CN	4123013	41230132C2P 3	Kỹ năng tiếng B1.3 - DL	30	25/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA503	
282	ANH CN	4123013	41230132C2P 4	Kỹ năng tiếng B1.3 - DL	30	25/06/2025	2C2	9 giờ 30	HB501	
283	ANH CN	4122892	41228921C1P 1	Kỹ năng tiếng B1.4-TM	32	27/06/2025	1C1	7 giờ 30	HA102	nói
284	ANH CN	4122892	41228921C1P 2	Kỹ năng tiếng B1.4-TM	32	27/06/2025	1C1	7 giờ 30	HB101	nói
285	ANH CN	4122892	41228921C1P 3	Kỹ năng tiếng B1.4-TM	32	27/06/2025	1C1	7 giờ 30	HB102	nói
286	ANH CN	4122892	41228921C1P 4	Kỹ năng tiếng B1.4-TM	32	27/06/2025	1C1	7 giờ 30	HB103	nói
287	ANH CN	4122892	41228921C1P 5	Kỹ năng tiếng B1.4-TM	32	27/06/2025	1C1	7 giờ 30	HB201	nói
288	ANH CN	4122892	41228921C2P 1	Kỹ năng tiếng B1.4-DL	32	27/06/2025	1C2	13 giờ 30	HB102	nói
289	ANH CN	4122892	41228921C2P 2	Kỹ năng tiếng B1.4-DL	32	27/06/2025	1C2	13 giờ 30	HB101	nói
290	ANH CN	4122892	41228921C2P 3	Kỹ năng tiếng B1.4-DL	32	27/06/2025	1C2	13 giờ 30	HB201	nói
291	ANH CN	4122892	41228921C2P 4	Kỹ năng tiếng B1.4-DL	30	27/06/2025	1C2	13 giờ 30	HD201	nói
292	ANH CN	4122892	41228921C2P 1	Kỹ năng tiếng B1.4-TMĐT	35	27/06/2025	1C2	13 giờ 30	HB103	nói
293	ANH CN	4122892	41228921C2P 2	Kỹ năng tiếng B1.4-TMĐT	6	27/06/2025	1C2	13 giờ 30	HB103	trợ giảng TMĐT
294	ANH CN	4122892	41228922C1P 1	Kỹ năng tiếng B1.4-DL	25	27/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD202	
295	ANH CN	4122892	41228922C1P 2	Kỹ năng tiếng B1.4-DL	25	27/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD301	
296	ANH CN	4122892	41228922C1P 3	Kỹ năng tiếng B1.4-DL	25	27/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA501	
297	ANH CN	4122892	41228922C1P 4	Kỹ năng tiếng B1.4-DL	25	27/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA502	
298	ANH CN	4122892	41228922C1P 5	Kỹ năng tiếng B1.4-DL	26	27/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA503	
299	ANH CN	4122892	41228922C1P 1	Kỹ năng tiếng B1.4-TMĐT	41	27/06/2025	2C1	7 giờ 30	HC501	
300	ANH CN	4122892	41228922C3P 1	Kỹ năng tiếng B1.4-TM	27	27/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA501	

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên lớp học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
301	ANH CN	4122892	41228922C3P 2	Kỹ năng tiếng B1.4-TM	27	27/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA502	
302	ANH CN	4122892	41228922C3P 3	Kỹ năng tiếng B1.4-TM	27	27/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA503	
303	ANH CN	4122892	41228922C3P 4	Kỹ năng tiếng B1.4-TM	27	27/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA302	
304	ANH CN	4122892	41228922C3P 5	Kỹ năng tiếng B1.4-TM	27	27/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB302	
305	ANH CN	4122892	41228922C3P 6	Kỹ năng tiếng B1.4-TM	25	27/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB303	
306	HÀN	4215040	42150402C3P 1	Tiếng Hàn A2.1 (Từ vựng - ngữ pháp)-HQT	21	02/07/2025	2C3	13 giờ 30	HA101	
307	HÀN	4215040	42150402C3P 2	Tiếng Hàn A2.1 (Từ vựng - ngữ pháp)-HQT	21	02/07/2025	2C3	13 giờ 30	HA102	
308	HÀN	4215050	42150502C4P 1	Tiếng Hàn A2.2 (Nghe - Đọc)-HQT	21	02/07/2025	2C4	15 giờ 30	HA101	
309	HÀN	4215050	42150502C4P 2	Tiếng Hàn A2.2 (Nghe - Đọc)-HQT	21	02/07/2025	2C4	15 giờ 30	HA102	
310	HÀN	4214960	42149602C3P 1	Văn hóa Hàn Quốc-HQT	21	04/07/2025	2C3	13 giờ 30	HB302	
311	HÀN	4214960	42149602C3P 2	Văn hóa Hàn Quốc-HQT	21	04/07/2025	2C3	13 giờ 30	HB303	
312	HÀN	4211643	42116432C3P 1	Đọc 2	26	23/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA301	
313	HÀN	4211643	42116432C3P 2	Đọc 2	26	23/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA302	
314	HÀN	4211643	42116432C3P 3	Đọc 2	26	23/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB201	
315	HÀN	4211643	42116432C3P 1	Đọc 2-TT	20	23/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB302	
316	HÀN	4211643	42116432C3P 2	Đọc 2-TT	20	23/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB303	
317	HÀN	4211623	42116232C4P 1	Nghe 2	27	23/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB201	
318	HÀN	4211623	42116232C4P 2	Nghe 2	27	23/06/2025	2C4	15 giờ 30	HA301	
319	HÀN	4211623	42116232C4P 3	Nghe 2	27	23/06/2025	2C4	15 giờ 30	HA302	
320	HÀN	4211623	42116232C4P 1	Nghe 2-TT	20	23/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB302	
321	HÀN	4211623	42116232C4P 2	Nghe 2-TT	19	23/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB303	
322	HÀN	4210922	42109222C3P 1	Ngoại ngữ II.1 (Hàn Quốc)	23	25/06/2025	2C3	13 giờ 30	HC502	
323	HÀN	4210922	42109222C3P 2	Ngoại ngữ II.1 (Hàn Quốc)	23	25/06/2025	2C3	13 giờ 30	HC503	
324	HÀN	4210922	42109222C3P 3	Ngoại ngữ II.1 (Hàn Quốc)	23	25/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA501	
325	HÀN	4210922	42109222C3P 4	Ngoại ngữ II.1 (Hàn Quốc)	23	25/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA502	
326	HÀN	4210922	42109222C3P 5	Ngoại ngữ II.1 (Hàn Quốc)	23	25/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA503	
327	HÀN	4210922	42109222C3P 6	Ngoại ngữ II.1 (Hàn Quốc)	23	25/06/2025	2C3	13 giờ 30	HD402	
328	HÀN	4210922	42109222C3P 7	Ngoại ngữ II.1 (Hàn Quốc)	23	25/06/2025	2C3	13 giờ 30	HD401	
329	HÀN	4210922	42109222C3P 8	Ngoại ngữ II.1 (Hàn Quốc)	22	25/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB501	
330	HÀN	4211882	42118822C3P 1	Ngoại ngữ II.1 (Hàn Quốc) CLC ghép (421092224202402)	1	25/06/2025	2C3	13 giờ 30	HD401	ghép phòng
331	HÀN	4214750	42147502C4P 1	Viết 2	26	25/06/2025	2C4	15 giờ 30	HC502	
332	HÀN	4214750	42147502C4P 2	Viết 2	26	25/06/2025	2C4	15 giờ 30	HC503	
333	HÀN	4214750	42147502C4P 3	Viết 2	27	25/06/2025	2C4	15 giờ 30	HA501	
334	HÀN	4214750	42147502C4P 1	Viết 2 -TT	20	25/06/2025	2C4	15 giờ 30	HD401	
335	HÀN	4214750	42147502C4P 2	Viết 2 -TT	20	25/06/2025	2C4	15 giờ 30	HD402	
336	HÀN	4211633	42116331C1P 1	Nói 2	31	27/06/2025	1C1	7 giờ 30	HC502	2C1
337	HÀN	4211633	42116331C1P 2	Nói 2	31	27/06/2025	1C1	7 giờ 30	HC502	2C3
338	HÀN	4211633	42116331C1P 3	Nói 2	31	27/06/2025	1C1	7 giờ 30	HC503	2C2
339	HÀN	4211633	42116331C1P 4	Nói 2	30	27/06/2025	1C1	7 giờ 30	HC503	2C4
340	HÀN	4215060	42150601C1P 1	Tiếng Hàn A2.3 (Nói - Viết)-HQT	21	30/06/2025	1C1	7 giờ 30	HC502	2C1 viết
341	HÀN	4215060	42150601C1P 2	Tiếng Hàn A2.3 (Nói - Viết)-HQT	21	30/06/2025	1C1	7 giờ 30	HC503	2C1 viết
342	HÀN	4215060	42150601C1P 1	Tiếng Hàn A2.3 (Nói - Viết)-HQT	21	30/06/2025	1C1	7 giờ 30	HC502	2C2 + 1C2 Nói
343	HÀN	4215060	42150601C1P 2	Tiếng Hàn A2.3 (Nói - Viết)-HQT	21	30/06/2025	1C1	7 giờ 30	HC503	2C2 + 1C2 Nói
344	NGA	4141653	41416532C3P 1	Đọc - Viết 2	30	23/06/2025	2C3	13 giờ 30	HC504	
345	NGA	4141653	41416532C3P 2	Đọc - Viết 2	31	23/06/2025	2C3	13 giờ 30	HD501	
346	NGA	4141932	41419322C4P 1	Ngữ pháp thực hành 1	31	25/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD401	
347	NGA	4141932	41419322C4P 2	Ngữ pháp thực hành 1	31	25/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD402	
348	NGA	4141643	41416431C2P 1	Nghe - Nói 2	31	26/06/2025	1C2	13 giờ 30	HC504	
349	NGA	4141643	41416431C2P 2	Nghe - Nói 2	31	26/06/2025	1C2	13 giờ 30	HD501	
350	NHẬT	4170083	41700832C3P 1	Viết 2	29	23/06/2025	2C3	13 giờ 30	HD301	
351	NHẬT	4170083	41700832C3P 2	Viết 2	29	23/06/2025	2C3	13 giờ 30	HD302	

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên lớp học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
352	NHẬT	4170083	41700832C3P 3	Viết 2	29	23/06/2025	2C3	13 giờ 30	HD401	
353	NHẬT	4170083	41700832C3P 4	Viết 2	30	23/06/2025	2C3	13 giờ 30	HD402	
354	NHẬT	4173660	41736602C3P 1	Tiếng Nhật 2D Hệ CLC Gộp(417008324202402)	2	23/06/2025	2C3	13 giờ 30	HD401	ghép Viết 2
355	NHẬT	4170053	41700532C4P 1	Nghe 2	24	23/06/2025	2C4	15 giờ 30	HD301	
356	NHẬT	4170053	41700532C4P 2	Nghe 2	24	23/06/2025	2C4	15 giờ 30	HD302	
357	NHẬT	4170053	41700532C4P 3	Nghe 2	24	23/06/2025	2C4	15 giờ 30	HD401	
358	NHẬT	4170053	41700532C4P 4	Nghe 2	24	23/06/2025	2C4	15 giờ 30	HD402	
359	NHẬT	4170053	41700532C4P 5	Nghe 2	24	23/06/2025	2C4	15 giờ 30	HA501	
360	NHẬT	4173630	41736302C4P 1	Tiếng Nhật 2A Lớp BS Hệ CLC Gộp (417005324202401)	5	23/06/2025	2C4	15 giờ 30	HD401	ghép Nghe 2
361	NHẬT	4170462	41704622C3P 1	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Nhật)	23	25/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB302	
362	NHẬT	4170462	41704622C3P 2	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Nhật)	23	25/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB303	
363	NHẬT	4170462	41704622C3P 3	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Nhật)	23	25/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA302	
364	NHẬT	4171892	41718922C3P 1	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Nhật) Hệ CLC Gộp(417046224202402)	1	25/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA302	ghép phòng
365	NHẬT	4170483	41704832C4P 1	Đọc 2	24	25/06/2025	2C4	15 giờ 30	HA302	
366	NHẬT	4170483	41704832C4P 2	Đọc 2	24	25/06/2025	2C4	15 giờ 30	HA301	
367	NHẬT	4170483	41704832C4P 3	Đọc 2	24	25/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB302	
368	NHẬT	4170483	41704832C4P 4	Đọc 2	24	25/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB303	
369	NHẬT	4170483	41704832C4P 5	Đọc 2	25	25/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB201	
370	NHẬT	4173650	41736502C4P 1	Tiếng Nhật 2C Hệ CLC Gộp(417048324202402)	2	25/06/2025	2C4	15 giờ 30	HA302	ghép Đọc 2
371	NHẬT	4170063	41700631C1P 1	Nói 2	28	27/06/2025	1C1	7 giờ 30	HD401	2C1
372	NHẬT	4170063	41700631C1P 2	Nói 2	28	27/06/2025	1C1	7 giờ 30	HD402	2C3
373	NHẬT	4170063	41700631C1P 3	Nói 2	28	27/06/2025	1C1	7 giờ 30	HD401	2C2
374	NHẬT	4170063	41700631C1P 4	Nói 2	30	27/06/2025	1C1	7 giờ 30	HD402	2C4
375	NHẬT	4173640	41736402C1P 1	Tiếng Nhật 2B Hệ CLC Gộp (417006324202402)	2	27/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD401	ghép Nói 2
376	PHÁP	4131372	41313722C3P 1	Tiếng Pháp 2A	28	23/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB501	
377	PHÁP	4131372	41313722C3P 2	Tiếng Pháp 2A	28	23/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB502	
378	PHÁP	4131372	41313722C3P 3	Tiếng Pháp 2A	27	23/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB503	
379	PHÁP	4131382	41313822C4P 1	Tiếng Pháp 2B	28	23/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB501	
380	PHÁP	4131382	41313822C4P 2	Tiếng Pháp 2B	28	23/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB502	
381	PHÁP	4131382	41313822C4P 3	Tiếng Pháp 2B	29	23/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB503	
382	PHÁP	4131032	41310322C3P 1	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Pháp)	11	24/06/2025	2C3	13 giờ 30	HC503	
383	PHÁP	4130042	41300421C2P 1	Luyện âm	29	26/06/2025	1C2	13 giờ 30	HB101	
384	PHÁP	4130042	41300421C2P 2	Luyện âm	29	26/06/2025	1C2	13 giờ 30	HB102	
385	PHÁP	4130042	41300421C2P 3	Luyện âm	28	26/06/2025	1C2	13 giờ 30	HB103	
386	PHÁP	4131392	41313921C1P 1	Tiếng Pháp 2C	28	28/06/2025	1C1	7 giờ 30	HD201	
387	PHÁP	4131392	41313921C1P 2	Tiếng Pháp 2C	28	28/06/2025	1C1	7 giờ 30	HD202	
388	PHÁP	4131392	41313921C1P 3	Tiếng Pháp 2C	28	28/06/2025	1C1	7 giờ 30	HB201	
389	QTH	4161453	41614532C3P 1	Tiếng Việt nâng cao -TV	8	24/06/2025	2C3	13 giờ 30	TV 01	
390	QTH	4163103	41631032C3P 1	Văn bản hành chính	29	24/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA501	
391	QTH	4163103	41631032C3P 2	Văn bản hành chính	29	24/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA502	
392	QTH	4163103	41631032C3P 3	Văn bản hành chính	29	24/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA503	
393	QTH	4163103	41631032C3P 4	Văn bản hành chính	30	24/06/2025	2C3	13 giờ 30	HC502	
394	QTH	4161483	41614832C4P 1	Đại cương kinh tế Việt Nam-TV	3	24/06/2025	2C4	15 giờ 30	TV 01	
395	QTH	4168280	41682801C2P 1	Anh văn B1.3-DPH	24	26/06/2025	1C2	13 giờ 30	HA301	
396	QTH	4168280	41682801C2P 2	Anh văn B1.3-DPH	24	26/06/2025	1C2	13 giờ 30	HA302	
397	QTH	4168280	41682801C2P 3	Anh văn B1.3-DPH	23	26/06/2025	1C2	13 giờ 30	HB303	
398	QTH	4168280	41682801C2P 1	Anh văn B1.3-QTH	29	26/06/2025	1C2	13 giờ 30	HD302	
399	QTH	4168280	41682801C2P 2	Anh văn B1.3-QTH	29	26/06/2025	1C2	13 giờ 30	HD401	
400	QTH	4168280	41682801C2P 3	Anh văn B1.3-QTH	29	26/06/2025	1C2	13 giờ 30	HD402	
401	QTH	4168280	41682801C2P 4	Anh văn B1.3-QTH	28	26/06/2025	1C2	13 giờ 30	HB201	
402	QTH	4164060	41640602C1P 1	Viết 2-CNTV	5	26/06/2025	2C1	7 giờ 30	TV 01	

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên lớp học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
403	QTH	4164030	41640302C2P 1	Nghe 2-CNTV	3	26/06/2025	2C2	9 giờ 30	TV 01	
404	QTH	4168300	41683001C1P 1	Anh văn B1.4-DPH	25	28/06/2025	1C1	7 giờ 30	HB501	
405	QTH	4168300	41683001C1P 2	Anh văn B1.4-DPH	25	28/06/2025	1C1	7 giờ 30	HB502	
406	QTH	4168300	41683001C1P 3	Anh văn B1.4-DPH	24	28/06/2025	1C1	7 giờ 30	HB503	
407	QTH	4168300	41683001C1P 1	Anh văn B1.4-QTH	28	28/06/2025	1C1	7 giờ 30	HA501	
408	QTH	4168300	41683001C1P 2	Anh văn B1.4-QTH	28	28/06/2025	1C1	7 giờ 30	HA502	
409	QTH	4168300	41683001C1P 3	Anh văn B1.4-QTH	28	28/06/2025	1C1	7 giờ 30	HA503	
410	QTH	4168300	41683001C1P 4	Anh văn B1.4-QTH	29	28/06/2025	1C1	7 giờ 30	HC502	
411	QTH	4164050	41640502C1P 1	Đọc 2-CNTV	5	28/06/2025	2C1	7 giờ 30	TV 01	
412	QTH	4164040	41640402C2P 1	Nói 2-CNTV	4	28/06/2025	2C2	9 giờ 30	TV 01	
413	QTH	4164070	41640702C1P 1	Ngữ pháp 2-CNTV	5	30/06/2025	2C1	7 giờ 30	TV 01	
414	SPNN	4190063	41900632C1P 1	Tiếng Trung tổng hợp 2	19	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HD501	
415	SPNN	4190993	41909932C1P 1	Tiếng Pháp 2A	19	24/06/2025	2C1	7 giờ 30	HC503	
416	SPNN	4190043	41900432C2P 1	Nghe 1	19	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HC503	
417	SPNN	4191003	41910032C2P 1	Tiếng Pháp 2B	19	24/06/2025	2C2	9 giờ 30	HD501	
418	SPNN	4198260	41982602C1P 1	Tư duy phản biện	31	25/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA301	
419	SPNN	4191450	41914502C2P 1	Kỹ năng tiếng Anh B1.4	17	25/06/2025	2C2	9 giờ 30	HA301	
420	SPNN	4190053	41900531C2P 1	Nói 1	19	26/06/2025	1C2	13 giờ 30	HA101	
421	SPNN	4191013	41910131C2P 1	Tiếng Pháp 2C	19	26/06/2025	1C2	13 giờ 30	HA102	
422	SPNN	4198100	41981001C1P 1	Luyện âm	19	28/06/2025	1C1	7 giờ 30	HA103	
423	SPNN	4191440	41914402C1P 1	Kỹ năng tiếng Anh B1.3	17	28/06/2025	2C1	7 giờ 30	HA102	
424	THÁI	4221793	42217931C2P 1	Nghe - Nói 2	21	23/06/2025	1C2	13 giờ 30	HC502	
425	THÁI	4221532	42215322C3P 1	Ngoại ngữ II.1 (Thái Lan)	10	24/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB302	
426	THÁI	4221803	42218032C3P 1	Đọc - Viết 2	20	26/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB302	
427	TRUNG	4152773	41527732C3P 1	Kinh tế học ghép (415403024202401)	1	01/07/2025	2C3	13 giờ 30	HD301	ghép KTHĐC
428	TRUNG	4154030	41540302C3P 1	Kinh tế học đại cương	25	01/07/2025	2C3	13 giờ 30	HA301	
429	TRUNG	4154030	41540302C3P 2	Kinh tế học đại cương	25	01/07/2025	2C3	13 giờ 30	HA302	
430	TRUNG	4154030	41540302C3P 3	Kinh tế học đại cương	25	01/07/2025	2C3	13 giờ 30	HB302	
431	TRUNG	4154030	41540302C3P 4	Kinh tế học đại cương	25	01/07/2025	2C3	13 giờ 30	HB303	
432	TRUNG	4154030	41540302C3P 5	Kinh tế học đại cương	25	01/07/2025	2C3	13 giờ 30	HD302	
433	TRUNG	4154030	41540302C3P 6	Kinh tế học đại cương	25	01/07/2025	2C3	13 giờ 30	HD301	
434	TRUNG	4154030	41540302C3P 7	Kinh tế học đại cương	28	01/07/2025	2C3	13 giờ 30	HB201	
435	TRUNG	4150662	41506622C3P 1	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)	29	24/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA101	
436	TRUNG	4150662	41506622C3P 2	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)	29	24/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA102	
437	TRUNG	4150662	41506622C3P 3	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)	29	24/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA301	
438	TRUNG	4150662	41506622C3P 4	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)	29	24/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA302	
439	TRUNG	4150662	41506622C3P 5	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)	29	24/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB101	
440	TRUNG	4150662	41506622C3P 6	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)	29	24/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB102	
441	TRUNG	4150662	41506622C3P 7	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)	29	24/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB103	
442	TRUNG	4150662	41506622C3P 8	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)	29	24/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB201	
443	TRUNG	4150662	41506622C3P 9	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)	29	24/06/2025	2C3	13 giờ 30	HD202	
444	TRUNG	4150662	41506622C3P 10	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)	16	24/06/2025	2C3	13 giờ 30	HD302	
445	TRUNG	4150662	41506622C4P 1	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)	27	24/06/2025	2C4	15 giờ 30	HA101	
446	TRUNG	4150662	41506622C4P 2	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)	27	24/06/2025	2C4	15 giờ 30	HA102	
447	TRUNG	4150662	41506622C4P 3	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)	27	24/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB101	
448	TRUNG	4150662	41506622C4P 4	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)	27	24/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB102	
449	TRUNG	4150662	41506622C4P 5	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)	27	24/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB103	
450	TRUNG	4150662	41506622C4P 6	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)	27	24/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB201	
451	TRUNG	4150662	41506622C4P 7	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)	27	24/06/2025	2C4	15 giờ 30	HA301	
452	TRUNG	4150662	41506622C4P 8	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)	27	24/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB303	
453	TRUNG	4150662	41506622C4P 9	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung)	23	24/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB302	

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên lớp học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
454	TRUNG	4152863	41528632C3P 1	Tiếng Trung tổng hợp 2 Lớp HS hệ CLC (Ghép 415401024202402)	2	26/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB502	ghép tiếng Trung CS2
455	TRUNG	4154010	41540102C3P 1	Tiếng Trung cơ sở 2	25	26/06/2025	2C3	13 giờ 30	HC502	
456	TRUNG	4154010	41540102C3P 2	Tiếng Trung cơ sở 2	25	26/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB503	
457	TRUNG	4154010	41540102C3P 3	Tiếng Trung cơ sở 2	25	26/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA501	
458	TRUNG	4154010	41540102C3P 4	Tiếng Trung cơ sở 2	25	26/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA502	
459	TRUNG	4154010	41540102C3P 5	Tiếng Trung cơ sở 2	25	26/06/2025	2C3	13 giờ 30	HA503	
460	TRUNG	4154010	41540102C3P 6	Tiếng Trung cơ sở 2	25	26/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB501	
461	TRUNG	4154010	41540102C3P 7	Tiếng Trung cơ sở 2	23	26/06/2025	2C3	13 giờ 30	HB502	
462	TRUNG	4153950	41539502C4P 1	Nghe sơ cấp 2	26	26/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB501	
463	TRUNG	4153950	41539502C4P 2	Nghe sơ cấp 2	26	26/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB502	
464	TRUNG	4153950	41539502C4P 3	Nghe sơ cấp 2	26	26/06/2025	2C4	15 giờ 30	HB503	
465	TRUNG	4153950	41539502C4P 4	Nghe sơ cấp 2	26	26/06/2025	2C4	15 giờ 30	HA501	
466	TRUNG	4153950	41539502C4P 5	Nghe sơ cấp 2	26	26/06/2025	2C4	15 giờ 30	HA502	
467	TRUNG	4153950	41539502C4P 6	Nghe sơ cấp 2	26	26/06/2025	2C4	15 giờ 30	HA503	
468	TRUNG	4153950	41539502C4P 7	Nghe sơ cấp 2	22	26/06/2025	2C4	15 giờ 30	HC502	
469	TRUNG	4153940	41539401C2P 1	Nói sơ cấp 2	36	28/06/2025	1C2	13 giờ 30	HD202	
470	TRUNG	4153940	41539401C2P 2	Nói sơ cấp 2	36	28/06/2025	1C2	13 giờ 30	HD301	
471	TRUNG	4153940	41539401C2P 3	Nói sơ cấp 2	36	28/06/2025	1C2	13 giờ 30	HD302	
472	TRUNG	4153940	41539401C2P 4	Nói sơ cấp 2	36	28/06/2025	1C2	13 giờ 30	HD401	
473	TRUNG	4153940	41539401C2P 5	Nói sơ cấp 2	36	28/06/2025	1C2	13 giờ 30	HD402	

Ký hiệu & giờ thi các ca: 2C1: 7h30-9h20; 2C2: 9h30-11h30; 2C3: 13h30-15h20; 2C4: 15h30-17h30; 1C1: 7h30-11h30; 1C2: 13h30-17h30

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 05 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD



★TS. Phạm Thị Tố Như